

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2006/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn Chế độ tài chính áp dụng tại các Khu kinh tế cửa khẩu biên giới
do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quản lý**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước; Luật Đầu tư; Luật, Pháp lệnh về thuế, phí, lệ phí và hải quan;

Căn cứ Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu biên giới;

Căn cứ Quyết định số 273/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới;

Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ tài chính áp dụng tại các Khu kinh tế cửa khẩu biên giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các Khu kinh tế cửa khẩu biên giới (sau đây gọi tắt là Khu KTCK) được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

Đối với các Khu KTCK được thành lập theo từng Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ và do Trung ương quản lý, chế độ tài chính thực hiện theo từng Thông tư hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng cho các đối tượng sau:

2.1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có Khu KTCK quy định tại Khoản 1, Mục 1 nêu trên;

2.2. Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động kinh doanh (bao gồm hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất, kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ) tại các Khu KTCK;

2.3. Các hoạt động kinh doanh thực hiện trong phạm vi khu kinh tế cửa khẩu.

Trường hợp nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Khu KTCK nhưng không thành lập pháp nhân kinh tế tại Khu KTCK thì phải hạch toán riêng phần kinh doanh tại Khu KTCK để có căn cứ xác định chế độ ưu đãi.

3. Giải thích từ ngữ:

- Khu bảo thuế: là Khu bảo thuế trong Khu KTCK được thành lập theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 273/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nội địa Việt Nam: bao gồm phần còn lại của Khu KTCK ngoài Khu bảo thuế và phần còn lại của lãnh thổ Việt Nam (trừ các khu tương tự Khu phi thuế quan quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH-11 thông qua ngày 14/6/2005 và khoản 2, Điều 1, Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

- Khu phi thuế quan: là các khu phi thuế quan được quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH-11 thông qua ngày 14/6/2005 và khoản 2, Điều 1, Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

II. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI VỀ TÀI CHÍNH

1. Chế độ ưu đãi về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các Khu KTCK:

1.1. Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương để xây dựng cơ sở hạ tầng:

a) Đối tượng hỗ trợ đầu tư ngân sách trung ương:

Ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách tỉnh có Khu KTCK biên giới trực thuộc cấp tỉnh quản lý để đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng quan trọng phục vụ chung cho các Khu KTCK theo các chương trình mục tiêu được bố trí trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phạm vi hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương:

Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ để đầu tư xây dựng cho các công trình cơ sở hạ tầng chung của toàn Khu KTCK, kể cả các công trình ngoài Khu KTCK nhưng phục vụ trực tiếp Khu KTCK, không bao gồm cơ sở hạ tầng dành riêng cho từng khu chức năng trong Khu KTCK.

c) Nguyên tắc hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương:

- Việc hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu KTCK được thực hiện theo dự án phù hợp với quy hoạch chi tiết Khu KTCK và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách trung ương hàng năm và mức độ khó khăn của địa phương, Chính phủ xem xét trình Quốc hội quyết định việc hỗ trợ có mục tiêu để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu cho các Khu KTCK biên giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của Khu KTCK được xác định rõ trong dự toán NSNN giao cho tỉnh.

- Ban Quản lý Khu KTCK hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh (nơi không có Ban quản lý Khu KTCK) là đầu mối kế hoạch của địa phương được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương vốn xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách trung ương để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu KTCK; là chủ đầu tư trực tiếp quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng bằng vốn NSNN trong phạm vi Khu KTCK theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành của Nhà nước.

d) Quy trình lập kế hoạch, sử dụng và quản lý vốn do ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư:

- Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, Ban quản lý Khu KTCK phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Danh mục các dự án phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp với quy hoạch chi tiết của Khu KTCK đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án

này để trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với Khu KTCK không có Ban quản lý Khu KTCK, Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp thực hiện quy định này.

- Căn cứ Danh mục dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và dự toán chi của các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng do Ban quản lý Khu KTCK lập, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng Khu KTCK và khả năng cân đối nguồn lực tại địa phương để xác định danh mục các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Khu KTCK đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

- Căn cứ Danh mục các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Khu KTCK đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập dự toán chi tiết về nhu cầu vốn theo từng dự án cụ thể để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư từ ngân sách trung ương của các tỉnh có Khu KTCK, thống nhất với Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định bổ sung có mục tiêu cho đầu tư kết cấu hạ tầng trong khả năng cân đối của ngân sách nhà nước. Chỉ các dự án thuộc phạm vi ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư quy định tại điểm b, khoản này mới được xem xét để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

- Vốn ngân sách trung ương đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng Khu KTCK được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

1.2. Chế độ sử dụng các khoản thu từ đất để tạo vốn phát triển hạ tầng các Khu KTCK:

Ủy ban nhân dân tỉnh được sử dụng các khoản thu từ đất (là các khoản thu theo quy định của pháp luật về đất đai như tiền thu về sử dụng đất, tiền thuê đất) để xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo vốn để giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển, ưu tiên cho các Khu KTCK. Riêng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với quỹ đất trong quy hoạch Khu KTCK được ưu tiên sử dụng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho Khu KTCK.

Việc giao đất, cho thuê đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của Khu KTCK được thực hiện thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất, hoặc không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật

đất đai, Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất của địa phương, khả năng thu tiền sử dụng đất từ đấu giá, nhu cầu về chi đền bù, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi và nhu cầu chi đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng thuộc đối tượng đầu tư từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan tài chính tổng hợp các nhiệm vụ thu, chi này vào dự toán ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Căn cứ dự toán ngân sách năm được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thu, chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất và quyết toán vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân ứng trước kinh phí để thực hiện đền bù, hỗ trợ người có đất bị thu hồi để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách nhà nước, sau đó mới thực hiện đấu giá thu tiền sử dụng đất thì khoản thu sử dụng đất để hoàn trả cho các tổ chức, cá nhân đã ứng trước phải thực hiện hạch toán thu, chi đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Chế độ ưu đãi cho các dự án kinh doanh tại Khu KTCK:

2.1. Chế độ ưu đãi cho các dự án du lịch:

Chủ đầu tư của các dự án kinh doanh du lịch tại Khu KTCK được hưởng các ưu đãi đầu tư áp dụng cho các dự án thuộc Danh mục khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ.

2.2. Chế độ ưu đãi về tiền thuê đất, mặt nước:

Chủ đầu tư trong nước và chủ đầu tư nước ngoài đầu tư tại Khu KTCK thì được hưởng ưu đãi về tiền thuê đất, mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và các văn bản hướng dẫn.

2.3. Chế độ ưu đãi về thuế:

Các dự án đầu tư tại Khu KTCK được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

III. KHU BẢO THUẾ VÀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG TẠI KHU BẢO THUẾ

1. Điều kiện thành lập và hoạt động đối với khu bảo thuế:

Khu bảo thuế trong các khu kinh tế cửa khẩu chỉ được thành lập khi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

- Có hàng rào cứng bảo đảm cách ly các hoạt động trong Khu bảo thuế với các khu chức năng khác trong Khu KTCK;

- Trong Khu bảo thuế không có khu dân cư, không có dân cư cư trú thường xuyên hoặc tạm trú (kể cả người nước ngoài);

- Có cơ quan hải quan giám sát, kiểm tra hàng hóa và các phương tiện vào và ra Khu bảo thuế.

2. Các hoạt động kinh doanh trong Khu bảo thuế:

Căn cứ Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 273/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới, trong Khu bảo thuế có các hoạt động kinh doanh sau: Dịch vụ hậu cần (logistic); Sản xuất, chế biến hàng hóa; Thương mại quốc tế; Triển lãm giới thiệu sản phẩm.

3. Chính sách thuế, phí, lệ phí áp dụng tại Khu bảo thuế:

3.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các dự án đầu tư vào Khu bảo thuế được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3.2. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Hàng hóa từ Khu bảo thuế xuất khẩu ra nước ngoài; Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu bảo thuế và chỉ sử dụng trong Khu bảo thuế;

- Hàng hóa đưa từ Khu bảo thuế sang các khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất và ngược lại.

- Hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu bảo thuế.

b) Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu có xuất xứ từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu bảo thuế phải nộp thuế xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu theo quy định hiện hành.

c) Hàng hóa từ Khu bảo thuế nhập khẩu vào nội địa Việt Nam phải nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành. Riêng đối với hàng hóa được sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại Khu bảo thuế nếu đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 14/2006/TT-BTC ngày 28/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN thì được áp dụng quy định tại Thông tư này.

d) Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu bảo thuế nhập nguyên liệu sản xuất, vật tư, hàng hóa từ nước ngoài nhưng không sử dụng hết và các thứ phẩm còn có giá trị thương mại được phép bán vào nội địa Việt Nam, phải làm đầy đủ thủ tục hải quan và nộp thuế nhập khẩu theo quy định hiện hành.

3.3. Thuế tiêu thụ đặc biệt:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được sản xuất, tiêu thụ trong Khu bảo thuế hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu bảo thuế và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu bảo thuế không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Riêng ô tô dưới 24 chỗ ngồi thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định chung hiện hành.

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu bảo thuế

chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

d) Hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt từ Khu bảo thuế nhập vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu theo quy định hiện hành.

3.4. Thuế giá trị gia tăng:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh tại Khu bảo thuế được sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định hiện hành, thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư này. Đối với những trường hợp hàng hóa không phải nộp thuế giá trị gia tăng, trong hóa đơn thuế giá trị gia tăng, dòng thuế giá trị gia tăng được gạch chéo (x). Cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ được sản xuất và tiêu thụ trong Khu bảo thuế và từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu bảo thuế và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu bảo thuế chuyển sang hoặc bán cho các khu phi thuế quan và ngược lại không phải chịu thuế giá trị gia tăng.

c) Hàng hóa, dịch vụ từ nội địa Việt Nam xuất khẩu vào Khu bảo thuế được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%.

d) Hàng hóa, dịch vụ từ Khu bảo thuế nhập khẩu vào nội địa Việt Nam phải chịu thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu với thuế suất theo quy định hiện hành. Cụ thể, doanh nghiệp trong Khu bảo thuế khi xuất bán cho doanh nghiệp nội địa Việt Nam lập hóa đơn không có thuế giá trị gia tăng, dòng thuế suất và thuế giá trị gia tăng gạch chéo. Doanh nghiệp nội địa (hoặc doanh nghiệp Khu bảo thuế trong trường hợp tự mang hàng vào nội địa để bán) chỉ phải nộp thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu theo tờ khai hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu vào thị trường nội địa.

3.5. Các loại thuế, phí và lệ phí khác:

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được thực hiện theo quy định hiện hành tại các Luật, Pháp lệnh về thuế, Luật đầu tư, Pháp lệnh phí và lệ phí và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

4. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra Khu bảo thuế:

Thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra Khu bảo thuế được thực hiện theo quy định tại Mục VIII, Phần B, Thông tư số 112/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra Khu Thương mại tự do, Khu phi thuế quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh có Khu KTCK biên giới:

- Căn cứ vào nhu cầu phát triển và giao lưu thương mại tại các Khu KTCK, chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh có Khu KTCK biên giới có trách nhiệm chỉ đạo nghiên cứu việc thành lập Khu bảo thuế trong Khu KTCK và đảm bảo thực hiện đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, Mục III, Thông tư này. Nếu chưa đủ các điều kiện quy định thì Khu bảo thuế không được phép thành lập và hoạt động.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Khu KTCK quyết định việc thành lập Khu bảo thuế trong Khu KTCK sau khi thỏa thuận với Bộ Xây dựng, Bộ Thương mại và Bộ Tài chính về quy hoạch Khu bảo thuế để đảm bảo tính thống nhất trong phạm vi cả nước.

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan (bộ đội biên phòng, công an cửa khẩu, cơ quan hải quan, cơ quan thuế,...) tăng cường phối hợp để thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại tại Khu bảo thuế trong các Khu KTCK.

2. Đối với Tổng cục Hải quan: Bố trí lực lượng hải quan để làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra Khu bảo thuế và thực hiện giám sát hải quan đối với Khu bảo thuế theo quy định của pháp luật hải quan.

3. Hiệu lực thi hành:

- Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Thông tư này thay thế Thông tư số 59/2001/TT-BTC ngày 17/7/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành chính sách tài chính áp dụng cho các khu kinh tế cửa khẩu biên giới.

- Ban quản lý các Khu KTCK, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, cơ quan kho bạc nhà nước và các cơ quan khác có liên quan trên địa bàn Khu KTCK cần tăng cường phối hợp thực hiện các quy định tại Thông tư này, đồng thời, đảm bảo các biện pháp kiểm tra, kiểm soát nhằm chống các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại tại các Khu KTCK.

Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Tá